



TTHCM- Thảo - Phân tích luận điểm Hồ Chí Minh: “Nếu nước độc lập mà người dân không được hưởng

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Đại học Kinh tế Quốc dân)



Scan to open on Studocu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
VIỆN ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN, CHẤT LƯỢNG CAO VÀ POHE

-----00000-----



MÔN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐỀ TÀI:

Phân tích luận điểm Hồ Chí Minh: “*Nếu nước độc lập mà người dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì*”. Anh/chị hãy làm rõ ý nghĩa của luận điểm đối với Việt Nam hiện nay.

Họ và tên sinh viên: Đinh Thị Phương Thảo

Mã sinh viên : 11215350

Lớp : Kiểm toán CLC K63C

GV hướng dẫn : Nguyễn Hồng Sơn

Hà Nội -2022

MỞ ĐẦU

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, mang trong mình truyền thống yêu nước của dân tộc, tiếp thu, kế thừa, phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” cũng như bài học lấy “Dân làm gốc” của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt coi trọng sức mạnh của Nhân dân. Sinh thời, Người khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân”, “Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân”, “Dân là gốc của một nước, nước lấy dân làm gốc”, “Gốc có vững cây mới bền, xây lầu thắng lợi trên nền Nhân dân”. Nhân dân, trong tư tưởng của Người không phải chỉ là lực lượng của cách mạng mà đã trở thành đối tượng để ngợi ca, thành đối tượng mà Đảng, Nhà nước phải có trách nhiệm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần.

Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn đặt nhân dân lên hàng đầu và độc lập của nhân dân phải được gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Đó là một sự ham muốn đầy tính nhân văn và thấm đượm tình thương yêu dân tộc, và Người đã khẳng định “Nếu nước độc lập mà người dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Luận điểm đó chính là mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhà nước ta hướng tới.

I. Quan điểm của Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.

Độc lập dân tộc là tư tưởng chủ đạo chi phối toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Người đã khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.”

Bản chất của vấn đề dân tộc là vấn đề đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, nhằm xóa bỏ sự thống trị của các nước khác, giành độc lập dân tộc, thoát khỏi ách áp bức, bóc lột thực dân, thành lập nhà nước dân tộc độc lập. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Người đã chứng kiến thực trạng xã hội những nơi Người đặt chân tới, ở đâu cũng có cảnh áo bức, bóc lột, bất công và nỗi khổ do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Hồ Chí Minh đã đi đến một kết luận rất quan trọng: “Thế giới dù vô cùng bao la, nhân loại dù vô cùng đông đảo, suy đến cùng chỉ có hai giống người: đi bóc lột và bị bóc lột”. Đến khi gặp được luận cương của Lenin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa thì nhận thức của Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập được xác định trên cơ sở khoa học và được nâng lên tầm cao mới. Năm 1919, vận dụng quy tắc dân tộc tự quyết thiêng liêng được các đồng minh thắng trận thừa nhận, thay mặt cho những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, Người đã gửi bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” đến Hội nghị ở Vecxay (Pháp), với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo đã vạch rõ nhiệm vụ đầu tiên của cách mạng Việt Nam là: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa thực dân Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”. Đến năm 1941, Hồ Chí Minh về nước, khi chủ trì Hội nghị Trung ương VIII của Đảng, Người đã chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy”. Trong bài Mười chính sách của Việt Minh, Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định mục tiêu đầu tiên của cách mạng là “Cờ treo độc lập, nên xây bình quyền”. Năm 1945, tình hình Chiến tranh thế giới thứ hai chuyển biến mau lẹ, có lợi cho cách mạng, trong nước nhân dân ta sống trong nỗi thống khổ, làm than, vấn đề giành được độc lập dân tộc được đặt ra cấp bách hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên quyết tâm phải đứng lên đấu tranh, giành bằng được độc lập dân tộc, Người nói: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” ngày 19 – 12 – 1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm bằng được nền độc lập dân tộc – giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt

Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”

Có được độc lập chưa đủ, độc lập nhưng người dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do. Đây chính là đòi hỏi chính đáng, điều mà không phải ai khác chính Người đã chỉ ra. Hạnh phúc, tự do mới chính là mục đích cuối cùng, là mong ước sâu thẳm nhất của mỗi người dân nước Việt. Hồ Chí Minh khẳng định độc lập tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, tất cả các dân tộc trên thế giới, dù dân tộc đó là thượng đẳng hay hạ đẳng, văn minh hay lạc hậu, thì đều có quyền được hưởng độc lập, đều có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do. Độc lập dân tộc theo Hồ Chí Minh phải thực sự hoàn toàn và triệt để. Độc lập dân tộc phải được biểu hiện trên tất cả các lĩnh vực của xã hội, các quyền dân tộc, quyền con người phải được thực hiện trên thực tế. Một dân tộc độc lập thì phải có quyền tự quyết định trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, toàn vẹn lãnh thổ mà trước hết là quyền quyết định về chính trị. Ngoài ra, độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do của nhân dân, với hòa bình chân chính.

Chính vì trong tư tưởng Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ, độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và hơn nữa độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân. Vậy nên khi nêu lên mục tiêu giải phóng dân tộc, Người cũng đã định hướng đến mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho cuộc cách mạng tiếp theo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng sâu sắc, triệt để thì càng tạo ra những tiền đề thuận lợi, sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và lại, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đã được Hồ Chí Minh khẳng định là con đường cách mạng vô sản, vì vậy bản thân cuộc cách mạng này ngay từ đầu đã mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, chủ nghĩa xã hội còn là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là “độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”, “chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc,...Tóm lại xã hội ngày càng tiên tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt đó là chủ nghĩa xã hội.”

II. Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Trong khoảng bảy năm từ 1911 đến trước khi Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thắng lợi, Hồ Chí Minh đã: tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới, tìm hiểu nghiên cứu các kiểu nhà nước và khảo sát cuộc sống của nhân dân các dân tộc bị áp bức. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, tuy chưa có được nhận thức lý tính, nhưng Người thấy rằng chỉ có đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga thì mới giành được độc lập dân tộc. Người nhiệt thành ủng hộ và tuyên truyền cho cuộc cách mạng Tháng Mười Nga.

Được ánh sáng của quốc tế Cộng sản soi rọi, đặc biệt là Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, đã giải đáp thắc mắc của Người về vấn đề giải phóng các dân tộc thuộc địa, giải phóng dân tộc Việt Nam. Tiếp xúc với Luận cương, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Trên diễn đàn Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (12-1920), Hồ Chí Minh đã yêu cầu Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa.

Năm 1923, Hồ Chí Minh viết: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên trái đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”. Hồ Chí Minh không bao giờ chấp nhận độc lập dân tộc dưới chế độ quân chủ chuyên chế, càng không chấp nhận chế độ thực dân. Bởi vì, đó là chế độ mà người dân bị đầu độc về cả thể xác lẫn tinh thần, bị bịt mồm và bị giam hãm. Ngay khi còn phải tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là giành độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã nhìn thấu ý nghĩa và sức mạnh của văn hóa, của đời sống tinh thần. Người cho rằng, con người cần phải có đời sống văn hóa tinh thần vì đó là lẽ sinh tồn và mục đích cuộc sống chúng ta. Sau này, trong kháng chiến ác liệt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh “không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo chỉ sợ lòng dân không yên”.

Chủ nghĩa xã hội xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra, nhờ đó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng. Chỉ với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc mới đạt tới mục tiêu phục vụ lợi ích và quyền lực của mọi người lao động, làm cho mọi thành viên

của cộng đồng dân tộc trở thành người chủ thực sự, có cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ và đời sống tinh thần ngày càng phong phú. Nó cũng bảo đảm cho dân tộc vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu trong tương quan với các dân tộc khác trong thế giới và ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn để đạt tới sự bình đẳng trong các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác. Toàn bộ khả năng và điều kiện bảo đảm chỉ có thể được tìm thấy và giải quyết bằng con đường phát triển chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản về mặt giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột đem lại cho con người hạnh phúc, tự do. Vì vậy Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống. Văn hóa là lối sống, là quyền con người, là cái chân, thiện, mỹ giữa người với người. Thống nhất với cách tiếp cận của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh rất chú trọng sức phát triển sản xuất, chú trọng chế độ sở hữu coi đó là những nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Nhưng điều đặc biệt mang sắc thái Hồ Chí Minh, đó là Người chú trọng tiếp cận chủ nghĩa xã hội theo phương diện đạo đức. Con người có hạnh phúc trong chế độ xã hội chủ nghĩa phải là những con người được giáo dục và có đạo đức. Chế độ xã hội chủ nghĩa mang lại hạnh phúc cho con người phải là chế độ không có chủ nghĩa cá nhân, và những gì phản văn hóa và đạo đức. Hồ Chí Minh chỉ rõ chủ nghĩa cá nhân là trái với đạo đức cách mạng, là trở lực trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện ra giá trị của chủ nghĩa xã hội. Chế độ xã hội chủ nghĩa theo quan điểm Hồ Chí Minh không chỉ là thước đo giá trị của độc lập dân tộc mà còn tạo nên sức mạnh để bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và tự bảo vệ. Độc lập dân tộc chỉ có đi tới chủ nghĩa xã hội thì mới có một nền độc lập dân tộc thật sự, hoàn toàn, nhân dân mới được hưởng hạnh phúc tự do; chủ nghĩa xã hội chỉ có phát triển trên một nền độc lập dân tộc thật sự thì mới có điều kiện phát triển và hoàn thiện.

III. Liên hệ thực tiễn Việt Nam

1. Thực tiễn Việt Nam sau cách mạng tháng tám năm 1945

Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, “dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập, dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa”. Thắng lợi đó là mốc son đánh dấu cho một kỷ nguyên mới đất nước ta, dân tộc ta “độc lập- tự do- hạnh phúc”.

Cách mạng nước ta có những thuận lợi lớn. Hệ thống chính quyền cách mạng được xây dựng từ Trung ương tới cơ sở trên cả nước. Từ hoạt động bí mật, Đảng ta đã trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền. Đảng, mặt trận Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh có uy tín lớn trong dân tộc, chính quyền cách mạng được toàn dân ủng hộ. Phong trào cách mạng tinh thần yêu nước của nhân dân đẩy lên từ cao trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tiếp tục phát triển với những hình thức và nội dung mới nhằm xây dựng, bảo vệ chính quyền, giữ vững thành quả cách mạng.

Bên cạnh những thuận lợi do thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đem lại, nhân dân ta và chính quyền cách mạng phải đương đầu với những khó khăn, thử thách nặng nề.

Về kinh tế - tài chính: Nhân dân ta và chính quyền cách mạng còn phải vượt qua những khó khăn lớn về kinh tế, đời sống xã hội. Nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn, lạc hậu lại bị thực dân Pháp và Phát xít Nhật vơ vét, bị chiến tranh và thiên tai tàn phá nên lại càng nghèo nàn hơn. Năng suất lúa rất thấp, nông dân lao động chiếm hơn 95% số hộ nhưng chỉ được sử dụng không quá 40% ruộng đất. Hậu quả nạn đói cuối năm 1944 và đầu năm 1945 chưa kịp khắc phục, thì nạn lụt lớn lại xảy ra, tàn phá 9 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Công nghiệp chỉ có không quá 200 nhà máy nhỏ bé, trang bị cũ kỹ, đang lâm vào đình đốn, hàng hóa khan hiếm. Tài chính quốc gia gần như trống rỗng, ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản nước ngoài. Chính quyền cách mạng chỉ tiếp quản được kho bạc với hơn một triệu đồng, trong đó có 586000 đồng tiền rách.

Về văn hóa – xã hội: Hậu quả về mặt xã hội cũng rất nặng nề, trên 90% số dân không biết chữ. Hầu hết số người được đi học chỉ ở bậc tiểu học và vỡ lòng, trên 3 vạn dân mới có một học sinh cao đẳng hoặc đại học và chủ yếu học ở ngành luật và ngành thuốc. Số công chức có trình độ cao đẳng và đại học chỉ gồm vài trăm người. Thực tế đó làm cho việc tổ chức, hoạt động của chính quyền mới gặp không ít khó khăn, lúng túng.

Về chính trị - quân sự: Vào thời gian này, nhà nước ta mới được thành lập, thật sự còn non trẻ. Bộ máy Nhà nước chưa được hoàn chỉnh. Hơn nữa, lực lượng vũ trang lại mỏng manh, rất cần bổ sung.

Bên cạnh đó còn rất nhiều vấn đề khó khăn mà đất nước ta phải đối mặt. Tuy nhiên, nhờ áp dụng tài tình Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, mọi vấn đề đã được giải quyết. Những khó khăn, thử thách to lớn cả về quân sự, chính trị, kinh tế và xã hội trên đây đã đặt chính quyền cách mạng và vận mệnh nước ta trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Tình hình trên đòi hỏi Đảng và chính quyền cách mạng có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, phát huy sức mạnh của toàn dân mới có thể bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng.

Về kinh tế - tài chính: Để giải quyết nạn đói, trước mắt Chính phủ kêu gọi toàn dân đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau qua các phong trào “hũ gạo cứu đói”, “ngày cứu đói”,... Ngoài ra Chính phủ còn thực hiện các biện pháp tiết kiệm lương thực, cung cấp lương thực để nấu rượu, làm quà bánh,... Để giải quyết tận gốc nạn đói, Chính phủ đề ra phải đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Chính phủ có biện pháp để hỗ trợ cho nông dân như quy định chỉ giảm tô 25% cho nông dân, tạm cấp ruộng đất công, ruộng của bọn Việt gian phản động và của thực dân Pháp cho nông dân cày cấy,...

Về công nghiệp, Chính phủ chủ trương là kiên quyết giữ vững chủ quyền nhưng vẫn tiếp tục duy trì quan hệ với Pháp. Một số xí nghiệp của tư bản Pháp và nước ngoài được tiếp tục kinh doanh như các xí nghiệp điện, nước,... nhưng phải tuân theo luật lệ và chịu sự kiểm soát của Chính phủ. Về tài chính, Chính phủ kêu gọi sự đóng góp tự nguyện, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân, thông qua phong trào “Quỹ độc lập”, theo sắc lệnh của Chính phủ ngày 4/9/1945, “Tuần lễ vàng” được tổ chức ngày 19/9/1945 nhằm thu gom số vàng trong nhân dân và nhất là của các nhà giàu dùng vào việc cần gấp và quan trọng nhất của chúng ta lúc này là quốc phòng. Ngoài ra, Chính phủ còn vận động sự giúp đỡ của nhân dân thông qua “hũ gạo nuôi quân”, “nhận nuôi cán bộ”...

Về văn hóa – xã hội: Ngày 8/9/1945, Hồ Chí Minh ra quyết định thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi nhân dân tham gia xóa nạn mù chữ. Từ 8/9/1945 đến 8/9/1946, có 76000 lớp học và 2,5 triệu người được xóa nạn mù chữ. Trường phổ thông các cấp và đại học khai giảng sớm và nội dung học và dạy đổi mới. Và như vậy đã đẩy lùi được giặc đói.

Về chính trị - quân sự: Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng và thực thi nhiều biện pháp để tập hợp, sử dụng nhân sĩ, trí thức, nhân tài phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Nhiều nhân sĩ, trí thức được mời tham gia bộ máy hành

chính và cơ quan chuyên môn ở các cấp, nhất là Trung ương. Một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để củng cố và tăng cường chính quyền là phải thực hiện quyền dân chủ cho quần chúng, phải “xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định Hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức”. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, nhân dân ta được thực hiện quyền làm chủ, bầu những đại biểu chân chính vào các cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam đã hoàn toàn thắng lợi. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam ra đời.

2. Thực tiễn Việt Nam những năm gần đây

Làm theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những năm qua, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, quan tâm chăm lo nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân, chú trọng phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong hành trình hơn 77 năm, kể từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 thì Việt Nam đã có hơn 30 năm trải qua chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vô cùng khốc liệt. Ngày nay, cả thế giới biết đến công cuộc đổi mới ở Việt Nam như một bằng chứng về sự thành công chuyển đổi kinh tế - xã hội trong lịch sử đương đại. Tuy vẫn là một nước đang phát triển, nhưng trên hành trình tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Về kinh tế - tài chính: Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế đang đẩy mạnh. Những sản phẩm công nghiệp chủ yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng của dân cư đều tăng cả chất lượng và số lượng, đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia xuất khẩu. Bên cạnh đó, công nghiệp FDI còn tạo thêm hàng triệu việc làm, góp phần bổ sung và hoàn thiện các mô hình quản lý và tổ chức mới phù hợp với cơ chế thị trường ở Việt Nam. Cơ cấu kinh tế cũng chuyển dịch khá rõ rệt, điều đó được thể hiện ở sự giảm tỷ trọng ở khu vực I và tăng tỷ trọng ở khu vực II và III.

Về văn hóa – xã hội: Nhờ kinh tế đạt mức tăng trưởng cao và liên tục trong nhiều năm liền nên đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của dân cư được cải thiện rõ rệt. Sự nghiệp giáo dục đạt nhiều thành tựu. Tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở lên biết đọc đã tăng vọt, năm 2000 Việt Nam đã hoàn thành chương trình mục tiêu chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Giáo dục trung học chuyên nghiệp và đại học có bước mở rộng nhanh về quy mô đào tạo. Tính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, cả nước có gần 2,7 triệu học sinh trung học phổ thông chuyên nghiệp, và cả nước có 237 trường đại học và cao đẳng theo số liệu năm 2018. Về sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng được quan tâm và phát triển. Theo số liệu cập nhật thì tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2020 là 73,7 – một con số

khá cao so với khu vực và thế giới. Cùng với thành tựu trong tăng trưởng kinh tế, Việt Nam đã đạt được những kết quả xuất sắc trong xóa đói giảm nghèo. Theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm nhanh, từ 14,2% năm 2010 xuống còn 7% năm 2015 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015) và giảm từ 9,2% năm 2016 xuống dưới 3% vào năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều).

Về chính trị - quân sự: Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Khát vọng thịnh vượng, dân giàu, nước mạnh là nguyện vọng của mỗi người dân, cũng là ý chí của Đảng và Nhà nước ta bấy lâu nay. Cho đến hiện tại, khát vọng ấy đã trở thành động lực, thành đích đến để toàn dân tộc cùng cố gắng thực hiện trong một tương lai không xa. Chính vì vậy, một trong những điểm nhấn quan trọng trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng là khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong đó, đặt ra những mục tiêu rất rõ ràng cho sự phát triển của đất nước, ưu tiên “hạnh phúc của nhân dân”, hướng tầm nhìn dài hạn đến giữa thế kỷ 21 chứ không chỉ là một hay vài nhiệm kỳ sắp tới.

Mặc dù Việt Nam đã đạt được rất nhiều những thành tựu đáng tự hào trên hành trình đổi mới, nhưng để có thể đi xa và phát triển hơn nữa thì cần phải nắm bắt được những cơ hội và chấp nhận những thách thức cần phải vượt qua.

Về những cơ hội cần phải nắm bắt: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc đến tiến trình phát triển của nhân loại. Những đột phá công nghệ diễn ra nhanh chóng trong nhiều lĩnh vực như: trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, cơ sở dữ liệu lớn, internet kết nối vạn vật, công nghệ in 3 chiều, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng,... đem đến sự thay đổi vượt bậc cho chất lượng cuộc sống, việc làm và sản xuất, kinh doanh.

Về những khó khăn và thách thức cần phải vượt qua: Thế giới đang trải qua một thời kỳ có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau quyết liệt, giành vị thế và lợi ích gây ra tình hình phức tạp tại nhiều khu vực và nhiều nước. Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh tài chính, an ninh mạng, chiến tranh, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... đang diễn biến nghiêm trọng. Đặc biệt trong thời gian qua, dịch bệnh Covid tàn phá rất nặng nề cả

về con người, kinh tế, xã hội và Việt Nam cũng là một quốc gia hứng chịu không ít những khó khăn do dịch bệnh này gây ra. Bên cạnh đó Việt Nam còn phải đối mặt với sự thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng nghiêm trọng.

3. Trách nhiệm của công dân Việt Nam để duy trì nền độc lập, tự do, hạnh phúc dân tộc

Trong bối cảnh thế giới và khu vực còn diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường hoạt động chống phá, hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đòi hỏi ngay trong nội bộ Đảng và cán bộ, đảng viên phải luôn vững vàng lập trường, bản lĩnh, kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Mỗi cấp, ngành và địa phương; mọi lực lượng và toàn dân cần tin tưởng tuyệt đối vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; nêu cao cảnh giác, chủ động ứng phó có hiệu quả với mọi tình huống, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hơn cả, mỗi công dân cần phải cống hiến nhiều hơn để phát triển nước nhà, giữ vững nền độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc. Trước hết, là một công dân, mà nòng cốt là thế hệ trẻ, cần không ngừng nỗ lực và rèn luyện để dựng xây Tổ quốc. Thế hệ trẻ là mầm non tương lai của đất nước, là những người đóng vai trò quan trọng trong việc đưa đất nước phát triển sau này, vậy nên việc học tập tốt và tu dưỡng đạo đức, tác phong là một điều vô cùng cần thiết. Bên cạnh đó, là một công dân, cần biết yêu thương, sẻ chia với những người xung quanh. Một đất nước, một xã hội chỉ thực sự phát triển và hạnh phúc khi những hạt nhân trong xã hội biết yêu thương, đoàn kết, gắn bó với nhau vượt qua bất kỳ khó khăn, thử thách nào. Giống như khi xưa, thế hệ ông cha ta đã không tiếc thân mình, đổ mồ hôi và xương máu để đem lại nền độc lập, tự do và hạnh phúc cho dân tộc như ngày hôm nay. Ngoài ra, là một công dân, con người ta cần biết tự hào và phát huy truyền thống của dân tộc. Hãy tự hào về những giá trị văn hóa, tinh thần của đất nước và phát huy, giữ gìn cũng như phát triển chúng, mang những nét cổ truyền ấy đi xa hơn trên thế giới này, để bạn bè khắp năm châu đều biết đến Việt Nam.

KẾT LUẬN

Tóm lại, trong 92 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhờ xác định rõ nội dung và cụ thể hóa mục tiêu về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng đã lãnh đạo đất nước vượt qua những khó khăn, thử thách và đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn đó chỉ ra rằng, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là ngọn cờ, là sự lựa chọn nhất quán và đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta trong 92 năm qua. Hiện tại, dù còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng ta vẫn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì đó là con đường đúng đắn, là quy luật và xu thế phát triển tất yếu của thời đại; là điều kiện bảo đảm để dân tộc thực sự độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trở thành hiện thực.

Trước đây, trong thập kỷ 40 của thế kỷ XX, khi bàn về giá trị của các nhà tư tưởng, Hồ Chí Minh đã nói rõ quan điểm của mình. Như một nhà hiền triết Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Jesu có ưu điểm là lòng bác ái. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của nước chúng tôi”. Và trên quan điểm biện chứng và duy vật lịch sử, Hồ Chí Minh đã đúc kết: “Khổng Tử, Giêsu, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Nếu họ còn sống trên đời này và họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn rất thân thiết, tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy!”. Chỉ vậy thôi, cũng đủ thấy Hồ Chí Minh là bậc đại trí ở đời.

Tư duy Hồ Chí Minh hướng vào việc khai thác ưu điểm chung của các vị ấy là mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu phúc lợi cho xã hội. Tròn nửa thế kỷ sau, khi nhân loại tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”, người ta cũng khai thác điểm chung mà Hồ Chí Minh đã cống hiến cho nhân loại. Đó là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Những mục tiêu đó chính là hạnh phúc, là đỉnh cao giá trị nhân văn, văn hóa của loài người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://tuyenquang.dcs.vn/DetailView/24668/22/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-doc-lap-dan-toc-gan-lien-voi-chu-nghia-xa-hoi.html>
2. <http://dukqtw.dcs.vn/ra-di-tim-duong-cuu-nuoc-ngay-561911-su-lua-chon-dung-dan-cua-nguyen-tat-thanh-nguyen-ai-quoc-ho-chi-minh-duk14281.aspx>
3. <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/2194-viet-nam-kien-dinh-muc-tieu-doc-lap-dan-toc-va-chu-nghia-xa-hoi.html>
4. <https://www.iahdrai.kontum.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Nuoc-Viet-Nam-Dan-chu-cong-hoa-ra-doi-291945-%E2%80%93-Bieu-tuong-cua-hoa-binh,-khat-vong-doc-lap,-tu-do-7621>
5. <https://danguykhoicqvnadn.thuathienhue.gov.vn/?gd=8&cn=22&tc=442>
6. <https://www.vass.gov.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/Ve-nhung-cot-loi-trong-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-156>